

Bản án số: 33 /2020/ HSST  
Ngày: 17/ 7/ 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Nhật Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Văn Chiến và ông An Văn Dương.

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hải Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Xuân Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2020/ HSST ngày 25/6/2020 đối với bị cáo:

**Họ và tên bị cáo:** Lê Ngọc D, sinh năm 1985; nơi sinh: Tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn Trường T, xã Trường Y, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Bá P và bà Lê Thị X; có chồng là anh Ngô Tiến K và có 01 con sinh 2012.

Tiền sự, tiền án: Không.

Về nhân thân: Tại Bản án số 31/2017/HSST ngày 19/5/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 23/10/2017, Lê Ngọc D chấp hành xong hình phạt tù và quyết định của Bản án. Về án tích đã được xóa.

Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn “ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

**- Người bị hại:** Anh Vũ Văn N, sinh năm 1997 và chị Trần Thị O, sinh năm 1997; đều trú tại: Xóm Chợ X, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

**- Người làm chứng:** Chị Trần Thị L, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Ngọc D là bạn của anh Vũ Văn N, sinh năm 1997, trú tại xóm Chợ X, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Trưa ngày 04/3/2020, D đến nhà anh N dự đám cưới của anh N với chị Trần Thị O, sinh năm 1997, trú tại phố Bằng L, thị trấn Yên N, huyện Yên Khánh. Sau khi ăn cỗ cưới xong, khi gia đình anh N đi đón dâu, D không đi mà ở lại nhà anh N. Lúc này, D nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình anh N nên đi lên phòng ngủ trên tầng 2 tìm kiếm nhưng không lấy được tài sản gì. D đi xuống phòng khách ngồi chơi. Khoảng 15 giờ 45 phút cùng ngày, gia đình anh N đón dâu về và tổ chức xong lễ cưới, D vào phòng cưới giúp chị O thay váy thì phát hiện có chiếc túi xách để trên mặt bàn trang điểm, bên trong túi đựng 13 phong bì đựng tiền mừng đám cưới của vợ chồng anh N, chị O nên nảy sinh ý thức sẽ trộm cắp các phong bì này. Lợi dụng lúc chị O thay xong váy cưới đi ra ngoài, còn lại một mình D trong phòng cưới, D đã lấy trộm trong túi xách của chị O 13 chiếc phong bì đựng tiền mừng đám cưới cất giấu vào trong ba lô của D rồi ra ngoài chào gia đình anh N đi về. Trên đường về, khi đến đoạn đường thuộc xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, D dừng xe, lấy các phong bì đã trộm cắp mở ra kiểm đếm được tổng cộng 7.000.000 đồng. D cất tiền vào ba lô, ném các vỏ phong bì xuống lề đường rồi đi về. Số tiền trộm cắp được, D đã chi tiêu hết 1.850.000 đồng.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, vợ chồng anh N, chị O phát hiện bị mất trộm 13 phong bì đựng tiền mừng đám cưới. Ngày 05/3/2020, anh N, chị O gọi điện thoại và gặp D tại thành phố Ninh Bình để nói chuyện thì D thừa nhận đã trộm cắp các phong bì đựng tiền mừng đám cưới. Sau đó, chị O đến Công an huyện Yên Khánh trình báo. Khi được triệu tập làm việc, Lê Ngọc D đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Khánh 5.150.000 đồng còn lại trong tổng số tiền 7.000.000 đồng đã trộm cắp được của vợ chồng anh N, chị O.

Kết quả điều tra xác định 13 phong bì đựng tiền mừng đám cưới Lê Ngọc D trộm cắp của vợ chồng anh N, chị O gồm các phong bì sau đây: 01 phong bì bên trong có tổng cộng 2.500.000 đồng tiền mừng của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988, trú tại xã Văn K, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1992, trú tại thị trấn Thuận H, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng, chị Phạm Thị T, sinh năm 1986, trú tại xã Đại T, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội; 01 phong bì bên trong có 500.000 đồng tiền mừng của anh Hoàng Ngọc Q, sinh năm 1989, trú tại phường Đề T, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; 01 phong bì bên trong có 300.000 đồng tiền mừng của chị Hoàng Thị H, sinh năm 1996, trú tại xã Khánh N, huyện Yên Khánh; 01 phong bì bên trong có 300.000 đồng tiền mừng của anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1997, trú tại xã Khánh N, huyện Yên Khánh; 01 phong bì bên trong có 300.000 đồng tiền mừng của anh Vũ Đại D, sinh năm 1997, trú tại xã Khánh N, huyện Yên Khánh; 03 phong bì mỗi phong bì bên trong có 300.000 đồng của anh Đinh Đức D, anh Đinh U, chị Lâm Thị T, đều sinh năm 1997, trú tại thị trấn Yên N, huyện Yên Khánh; 01 phong bì bên trong có 700.000 đồng tiền mừng của chị Đinh Thị L, sinh năm 1997, trú tại xã Khánh H, huyện Yên Khánh; 01 phong bì bên trong có 500.000 đồng tiền mừng của chị Lại Thị Đ, sinh năm 1970, trú tại thị trấn Yên N, huyện Yên Khánh; 01 phong bì bên trong có 200.000 đồng tiền mừng của chị Đinh Thị H, sinh năm 1997,

trú tại xã Khánh H, huyện Yên Khánh; 01 phong bì bên trong có 300.000 đồng tiền mừng của chị Đoàn Thị D, sinh năm 1997, trú tại xã Đặng L, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; 01 phong bì bên trong có 500.000 đồng tiền mừng của chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1997, trú tại xã Khánh T, huyện Yên Khánh.

Quá trình điều tra, Lê Ngọc D đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKSYK ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Lê Ngọc D, ra trước Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh để xét xử về tội: “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc D phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Ngọc D. Xử phạt bị cáo Lê Ngọc D với mức án từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Trường Y, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ một phần thu nhập là 5% của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Về tài sản và xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã tr ả cho D 01 điện thoại Samsung Galaxy A6 lắp 02 sim thuê bao số 096203153.. và 093228821..; trả cho anh N 01 túi xách, 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus lắp sim thuê bao số 032632984.. và số tiền 5.150.000 đồng đã thu giữ.

- Về trách nhiệm dân sự: Anh Vũ Văn N, chị Trần Thị O đã nhận lại đủ số tiền 7.000.000 đồng bị mất và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa có mặt anh Vũ Văn N, chị Trần Thị O đều xác định việc mất tài sản như bị cáo khai nhận là đúng, anh N, chị O đã nhận lại đủ số tiền bị mất do bị cáo nộp lại và bồi thường, nên không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người làm chứng vắng mặt, song tại cơ quan điều tra đã có lời khai, xác định nội dung sự việc như bị cáo khai là đúng.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì, nhận thấy hành vi phạm tội là đúng nên xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Yên Khánh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, Quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Lê Ngọc D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Trưa ngày 04/3/2020 bị cáo D đến dự và ăn cỗ cưới của anh N, chị O, sau khi mọi người đi đón dâu thì D ở lại và nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, D đi lên tầng hai nhà anh N tìm tài sản để trộm cắp, nhưng không lấy được gì, D đi xuống nhà ngồi chơi, sau khi cô dâu về và tổ chức xong lễ cưới vào khoảng 15 giờ 45 phút, thì D vào phòng cưới giúp chị O thay váy, D phát hiện có chiếc túi xách để trên mặt bàn trang điểm, bên trong túi đựng nhiều phong bì tiền mừng đám cưới của anh N, chị O nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp số phong bì này. Trong lúc chị O đi ra ngoài, còn mình D ở trong phòng cưới, D đã lấy trộm 13 chiếc phong bì trong túi xách của chị O và cất giấu vào trong ba lô của D rồi ra ngoài, sau chào mọi người và đi về. Khi D về đến đoạn đường thuộc xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, D dừng xe, lấy các phong bì đã trộm cắp mở ra đếm, trong các phong bì đếm được tổng số tiền 7.000.000 đồng. D cất tiền vào ba lô, ném các vỏ phong bì xuống lề đường rồi đi về nhà. Số tiền trộm cắp được, D đã chi tiêu hết 1.850.000 đồng, còn lại 5.150.000 đồng D cất giữ. Đến ngày 05/3/2010 khi anh N gọi điện cho D nói chuyện về việc mất phong bì mừng đám cưới thì D đã thừa nhận, sau đó nộp lại số tiền 5.150.000 đồng cho Cơ quan điều tra.

Nội dung Điều 173 tội trộm cắp tài sản của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....  
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Hành vi của bị cáo Lê Ngọc D nêu trên đã phạm tội “ Trộm cắp tài sản” , được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự, như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn huyện Yên Khánh. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật, để giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Là trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện nộp lại số tiền để bồi thường, khắc phục hậu quả cho người bị hại, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, bản thân hiện đang sống ly thân chồng và phải nuôi con nhỏ nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và khấu trừ một phần thu nhập, cũng đủ để giáo dục và cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện hoàn cảnh, kinh tế của bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về các biện pháp tư pháp - Trách nhiệm dân sự - Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 1.850.000 đồng cho người bị hại và Cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại 01 túi xách, 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus lắp sim thuê bao số 032632984.. và số tiền 5.150.000 đồng và trả lại cho bị cáo D 01 điện thoại Samsung Galaxy A 6 lắp 02 sim thuê bao số 096203153.; số 093228821.. đã thu giữ, nay người bị hại không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo Lê Ngọc D là người thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên:**

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Ngọc D phạm tội “ Trộm cắp tài sản ”.

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc D 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Trường Y, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ một phần thu nhập là 5% của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Giao bị cáo Lê Ngọc D cho Ủy ban nhân dân xã xã Trường Y, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Ngọc D phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, Người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự./

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Khánh;
- Cơ quan CSĐT.CA huyện Yên Khánh;
- Cơ quan THAHS huyện Yên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh;
- Bị cáo; Người bị hại,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Nhật Trung.**